

Tổng Kết

Lớp 1 Khoá 1 Tâm Lý Học Phật Giáo

Khai giảng: 6 tháng 5 – 2000

Bế giảng: 27 tháng 8 – 2000

Không Chiếu

Kính bạch Thầy,

Kính thưa quý vị Tăng Ni,

Quý quan khách thân hữu,

Thưa quý bạn Thiên sinh,

Hôm nay là ngày bế giảng lớp 1 Tâm Lý Học Phật Giáo, con, Thích Không Chiếu, trưởng lớp, xin trình bày tóm lược những gì chúng con được Thầy hướng dẫn trong 4 tháng qua. Sở dĩ con nói đây là lớp 1, vì chúng con mong rằng trong thời gian tới, Thầy sẽ mở tiếp lớp 2 để hoàn tất giáo án đã đề ra. Và chúng con tiếp tục được Thầy dẫn dắt vào khu vườn Phật học đầy hoa thơm cỏ lạ, nếu không có duyên này, không biết đến bao giờ chúng con mới đặt chân tới được.

Chúng con cũng ước mong sẽ in thành sách những bài chúng con đã học để giúp ai muốn tìm hiểu về Tâm Lý Học Phật Giáo, có tài liệu bổ ích để tin chắc rằng, sau Phật nhập diệt 2543 năm, chánh pháp vẫn còn trong sáng mãi. Và đó là con đường tâm linh làm thăng hoa nhân cách, phát triển trí tuệ, đưa đến giác ngộ và giải thoát.

Trong 4 tháng qua, 16 ngày chủ nhật, Thầy đã hướng dẫn chúng con 3 chủ đề lớn:

1. Kết tập kinh điển
2. Phân liệt hình thành bộ phái và chủ trương của các bộ phái
3. A Tì Đạt Ma

Vì thì giờ có hạn, con xin lược qua những nét chính từng chủ đề một, và những kết luận con thu hoạch được qua lớp học này.

I. KẾT TẬP KINH ĐIỂN

KẾT TẬP KINH ĐIỂN LẦN MỘT

- Thời gian:
 - 3 tháng sau Phật nhập diệt (483 Trước Công nguyên)
 - Vào năm thứ 8 triều đại A Xà Thế, được nhà vua bảo trợ, kéo dài 7 tháng.
- Nơi chốn:
 - tại động Thất Diệp Sattapani, núi Vaibhāra, ngoại thành Vương xá (theo Nam Tông)
 - tại động Indrasāla, núi Linh Thứu (theo ngài Mã Minh, Bắc Tông)
- Tham dự: 500 vị A La Hán, đệ tử Phật.
- Chủ trì:
 - Tôn giả Đại Ca Diếp
 - Tôn giả Ưu Bà Ly tụng Luật
 - Tôn giả A Nan tụng Kinh
- Lý do kết tập:

Tỳ kheo Subhadda trong tăng đoàn Ngài Đại Ca Diếp biểu lộ sự không khếp mình theo lời Phật dạy, khi nghe tin Phật nhập diệt, thốt ra những lời vô phép như: ta đã thoát khỏi vị Đại Sa Môn ấy, từ nay những gì ta muốn, ta làm, những gì ta không muốn ta không làm...” Tôn giả Đại Ca Diếp thấy vậy, e rằng Chánh pháp sẽ bị phá vỡ, nên triệu tập đại hội kết tập kinh điển.

- Mục đích:

Củng cố lại tạng Kinh và tạng Luật dựa trên Phật ngôn, bảo tồn sự trong sáng của Chánh Pháp.

- Hình thức:

Hộp tụng miệng, chưa ghi lại thành sách.

- Nội dung:

Ngài Đại Ca Diếp nêu lên câu hỏi. Ngài Ưu Bà Ly trả lời liên quan đến Giới Luật. Ngài A Nan trả lời liên quan đến Pháp.

- Kết quả:

Tạo được truyền thống hộp tụng kinh, tụng luật trong giáo đoàn. Chánh pháp được duy trì.

- Ngôn ngữ: Pāli.

KẾT TẬP KINH ĐIỂN LẦN 2.

- Thời gian:

Sau khi Phật nhập diệt 100 năm. (Năm 382-383 TCN), vào triều đại Kalasoka, kéo dài 8 tháng. Không có ai bảo trợ.

- Nơi chốn: tại Vālukàrama ở Tì xá lý.
- Tham dự: 700 vị Trưởng lão thông suốt Kinh tạng, Luật tạng.
- Chủ trì: Tôn giả Revata.
- Hình thức:

1) Hỏi đáp về 10 điều phạm giới (của Tăng gốc Bạt Kỳ)

2) Họp tụng kinh luật (chưa ghi thành văn, chưa có tạng Luận)

- Lý do:

Trưởng lão Da Xá đến Tì Xá lý, thấy các Tỷ kheo gốc Bạt Kỳ vi phạm giới luật bằng cách kêu gọi cúng dường tiền bạc, và nhiều vi phạm khác (cộng chung 10 điều). Ngài vào thành giải thích cho dân chúng biết cúng dường như thế là sai giới luật. Chư tăng gốc Bạt Kỳ buộc tội lại ngài Da Xá phạm giới luật “vạch lỗi chư Tăng trước tín đồ”. Lỗi này nghiêm trọng, phải bị sán xuất (đuổi ra khỏi nơi hoạt động hay tạm thời đình chỉ hoạt động). Trưởng lão Da Xá quyết tâm chinh đốn giới luật bèn đi vận động các Trưởng lão kết tập kinh điển lần 2.

- Kết quả:

Hội nghị kéo dài 8 tháng. Cuối cùng tất cả đồng ý 10 điều sửa đổi của nhóm Bạt Kỳ là phi pháp. Và tụng đọc lại Kinh, Luật.

Theo Nam Tông, sự kiện 10 điều phi pháp đưa đến phân liệt Tăng đoàn như sau: ngoài hội nghị của 700 vị Trưởng lão nói trên, một số rất đông Tỷ kheo lên đến 10.000 vị chống đối lại Đại hội, triệu tập một hội nghị nơi khác cũng để kết tập kinh điển. Cuộc kết tập này gọi là Đại chúng hay Đại kết tập. Kinh và Luật kết tập ở đây hoàn toàn khác với sự kết tập của Trưởng Lão bộ. Đây cũng là nguyên nhân đưa đến phân chia giáo đoàn thành 2 nhóm: Thượng Tọa Bộ (chính thống, bảo thủ) và Đại Chúng Bộ (không chính thống, phóng khoáng). Căn nguyên phân chia thành hai này là bất đồng quan điểm về giới luật.

Đang khác, theo Bắc tông, nguyên nhân phân liệt là vấn đề Ngũ Sự (5 câu hỏi về vị A La Hán). Sự kiện Ngũ Sự xảy ra cách thời Phật nhập diệt khoảng 200 năm, không liên quan gì đến 2 kỳ kết tập 2 và 3. Ngài Đại Thiên (Mahādeva) nêu lên vấn đề Ngũ Sự và được một số đông Tỷ kheo chưa đắc quả A La Hán ủng hộ. Ngũ Sự là:

1. A La Hán có thể phạm giới trong lúc nằm mơ.
2. Đối với các việc thế gian, A La Hán có trường hợp không biết hết.
3. A La Hán có những mối nghi trên vấn đề giáo lý.

4. Không thể đắc quả A La Hán mà không có Thầy.
5. Đạo đạt được với tiếng than “Aho” (khổ ơi!)

Ngài Đại Thiên còn nêu ra vấn đề, sau thời Phật, nếu người có tài thuyết pháp, cũng có thể làm ra kinh.

Do ngũ sự mà gây ra tranh luận và phân chia giáo đoàn thành hai nhóm: Thượng Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ theo sử sách Bắc Tông. Truyền thống Nam Tông không công nhận Ngũ Sự, trái lại công nhận cuộc kết tập kinh điển lần 3 do ngài Mục Kiền Liên Tu Đế chủ trì

KẾT TẬP KINH ĐIỂN LẦN 3

- Thời gian: Khoảng 236 năm sau Phật nhập diệt (năm 250 TCN) dưới triều đại và sự bảo trợ của vua A Dục.
- Nơi chốn: Hoa Thị Thành (nay là Patna)
- Thành phần: 1000 vị Trưởng Lão
- Chủ trì:

1) Theo Nam Tông là ngài Mục Kiền Liên Tu Đế (Moggaliputta Tissa).

2) Theo Bắc Tông là ngài U Ba Cúc Đa (Upagupta).

- Hình thức: Tụng đọc Kinh, Luật và Luận, ghi chép thành sách, ngôn ngữ Pāli.
- Nội dung: Ghi lại thành văn đủ Tam Tạng, đặc biệt có 7 bộ Luận Thư.
- Lý do:

1) Thanh lọc Tăng giả (nhiều phần tử xấu và ngoại đạo trà trộn vào hàng Tăng chúng để hưởng cúng dường)

2) Thống nhất Kinh, Luật, Luận.

- Kết quả:

1) Tam Tạng kinh điển ghi lại thành văn và phổ biến khắp nơi

2) Giáo đoàn Trưởng Lão Bộ hưng thịnh và hoạt động khắp Ấn Độ và nhiều nước chung quanh.

Sau lần kết tập này, Phật Giáo truyền sang Tích Lan, do chính con vua A Dục là Tỳ Kheo Mahinda và Tỳ Kheo Ni Sanghamittā, (Bà đem nhánh cây Bồ đề nơi Phật thành đạo sang trồng ở Tích Lan).

Về sử liệu, kỳ kết tập này chỉ ghi trong sử Nam Tông, sử Bắc Tông không có.

KẾT TẬP KINH ĐIỂN LẦN 4

- Thời gian: Sau Phật nhập diệt 500 năm (khoảng đầu thế kỷ thứ 2). Thời gian khắc bằng đồng là 12 năm. Được vua Ca Nị Sắc bảo trợ.
- Địa điểm: tại Kuṇḍalavana Vihāra ở Kashmir, hoặc tu viện Kuvana ở Jālandhara.
- Thành phần: 500 vị Tăng đại diện cho 18 bộ phái.
- Chủ tọa: Ngài Thế Hữu, Phó thượng thủ: ngài Mã Minh. Các ngài Hiệp Tôn Giả, Pháp Cừu, Giác Thiên, Diệu Âm... là các bậc cao tăng thông hiểu Tam Tạng tham dự.
- Hình thức: kết tập Tam Tạng dưới hình thức 300.000 bài tụng theo khuynh hướng Nhất Thiết Hữu Bộ.
- Nội dung ghi lại:

1) 100.000 bài tụng chú thích Kinh tạng.

2) 100.000 bài tụng giải thích Luật tạng.

3) 100.000 bài tụng giải thích Luận tạng.

- Lý do: thống nhất giáo lý Phật giáo sau khi phân liệt thành 18 Bộ phái
- Kết quả: Tam Tạng kinh điển được ghi lại thành văn ngôn ngữ Sanskrit (Bắc Tông). Về phía Nam Tông, Phật giáo Tích Lan không công nhận kỳ kết tập này. Vì lẽ Trưởng Lão Bộ Tích Lan đã tổ chức kết tập lần thứ tư tại Aluvihāra hay Alokavihāra, một thôn ấp nhỏ gần làng Matale (Tích Lan) khoảng năm 83 TCN bằng tiếng Pāli trên lá buông, dưới sự bảo trợ của quan Đại thần vua Vatṭa Gāmani Abhaya. Cuộc kết tập này gồm 500 vị Cao tăng dưới sự chủ tọa của Đại Đức Rakkhita.

Từ đây Phật giáo có hai loại:

1) Hệ Pāli: Nam Tông hay Nguyên Thủy

- Kinh Tạng Nikāya 5 bộ
- Luật Tạng Pāli 5 bộ
- Luận Tạng Pāli 7 bộ

2) Hệ Sanskrit: Bắc Tông hay Phát Triển.

- Kinh Tạng A Hàm (Āgama) 5 bộ
- Luật Tạng Sanskrit 5 bộ
- Luận Tạng Sanskrit 7 bộ

Nội dung và hình thức Tam Tạng của hai hệ có khác nhau đôi chút.

II. PHÂN LIỆT BỘ PHÁI

Sau kỳ kết tập kinh điển 2, giáo đoàn đã phân chia thành 2 bộ phái: Trưởng Lão Bộ (hay Thượng Tọa Bộ) và Đại Chúng Bộ, do 2 sự việc:

- 1) 10 điều phi pháp của nhóm tăng Bạt Kỳ (theo Nam Tông)
- 2) Ngũ sự về A La Hán do ngài Đại Thiên nêu lên (theo Bắc Tông)

Từ hai bộ phái này, trong vòng 200 tới 400 năm sau Phật nhập diệt, tiếp tục nảy sinh ra 18 hoặc 20 – 24 – 34 bộ phái, trong số đó hoạt động mạnh nhất là Thượng Tọa Bộ và Nhất Thiết Hữu Bộ.

Hệ kinh điển Pāli do Thượng Tọa Bộ kết tập

Hệ kinh điển Sanskrit do Nhất Thiết Hữu Bộ kết tập

1.1. NHỮNG NGUYÊN NHÂN HÌNH THÀNH BỘ PHÁI

- 1) Vì không có giáo hội trung ương.
- 2) Địa lý, khí hậu các nơi không giống nhau.
- 3) Tình hình sinh hoạt tâm lý và sinh lý giữa già và trẻ khác nhau.
- 4) Giáo đoàn bị hoàn cảnh lịch sử chi phối, khi được nâng đỡ, khi bị đàn áp.
- 5) Quan điểm, cách nhìn khác nhau qua mức độ chứng ngộ của các vị đứng đầu bộ phái.

1.2. LỢI ĐIỂM CỦA SỰ PHÂN LIỆT

Phân liệt là sự chia rẽ, tuy không hay, không được tán thán, cũng có những lợi ích lớn về sau

- 1) Các bộ phái có chủ trương, đường lối riêng, đưa đến luận chiến (tranh luận) qua lại với nhau. Nhờ đó Kinh, Luật, Luận được giải thích rộng rãi dưới nhiều hình thức văn chương, thi kệ, triết học, qua các Luận Sư nổi tiếng, làm cho kho tàng Phật pháp được sáng tỏ, phong phú, đồ sộ.
- 2) Mặc dù chỉ trích, phê bình lẫn nhau, các bộ phái vẫn coi nhau là con Phật. Ngài Nghĩa Tịnh ví giáo lý của Phật như cây gậy vàng gãy làm 18 khúc, mỗi khúc đều có căn bản giáo pháp. Dù chia ra nhiều bộ phái, tinh hoa Phật pháp vẫn không thay đổi.

1.3. HÌNH THỨC CỦA SỰ PHÂN LIỆT

Bất đồng với nhau về chủ trương, đường lối trong việc ứng dụng lời Phật dạy, các vị đứng đầu một số tăng sĩ tách rời khỏi giáo đoàn lập một giáo đoàn khác.

Hoặc một nhóm tăng sĩ ở địa phương tự mình thành lập một bộ phái riêng.

Nhiều bộ phái ly khai khỏi Trưởng Lão Bộ như: Nhất Thiết Hữu Bộ, Chính Lượng Bộ v.v... đều nổi tiếng.

1.4. TIẾN TRÌNH PHÂN LIỆT

Sau Phật nhập diệt 100 năm, do việc 10 điều phi pháp hoặc do Ngũ sự, giáo đoàn chia thành 2 bộ phái đầu tiên là Thượng Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ.

Thượng Tọa Bộ (thế hệ già) có khuynh hướng bảo thủ, tôn trọng truyền thống.

Đại Chúng Bộ (hệ hệ trẻ) có khuynh hướng cấp tiến, lấy lý tưởng làm căn bản.

Thượng Tọa Bộ về sau chia thành 10 bộ phái là:

- 1) Nhất Thiết Hữu Bộ
- 2) Độc Tử Bộ
- 3) Pháp Thượng Bộ
- 4) Hiền Vũ Bộ
- 5) Chính Lượng Bộ
- 6) Mật Lâm Bộ
- 7) Hóa Địa Bộ
- 8) Pháp Tạng Bộ
- 9) Âm Quang Bộ
- 10) Kinh Lượng Bộ

Đại Chúng Bộ lần lượt phân chia thành 8 bộ phái

- 1) Nhất Thuyết Bộ
- 2) Xuất Thế Bộ
- 3) Kê Dận Bộ
- 4) Đa Văn Bộ
- 5) Thuyết Giả Bộ
- 6) Chế Đa Sơn Bộ
- 7) Tây Sơn Trụ Bộ
- 8) Bắc Sơn Trụ Bộ

Sự phân liệt xảy ra lần hồi trong nhiều năm. Những bộ phái nào có đường lối chủ trương đúng chánh pháp thì được dài lâu. Trái lại, tự đào thải.

1.5. HẬU QUẢ CỦA SỰ PHÂN LIỆT

Thượng Tọa Bộ khác với Đại Chúng Bộ.

Hệ Nam Tông khác với hệ Bắc Tông.

Hệ Pāli (Nam Tông) gồm có: Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Cam Bốt, Lào, Việt Nam...sinh hoạt tôn giáo theo truyền thống cũ, gần gũi nhau, có qui củ hơn. Tuy không nói cùng một thứ tiếng, nhưng tất cả cùng đọc tụng kinh tạng tiếng Pāli.

Hệ Sanskrit (Bắc Tông) gồm có Trung Hoa, Mông Cổ, Tây Tạng, Triều Tiên, Nhật, Nepal, Việt Nam...sinh hoạt cởi mở, phóng khoáng, đa dạng và hòa nhập vào các địa phương dễ dàng hơn.

Dù bị phân liệt thành nhiều bộ phái, nền văn học, triết học, luận lý và phương pháp tu tập của Phật Giáo vẫn giữ nguyên bản sắc, tuy rằng đã trở nên đa dạng, phong phú, theo nguyên tắc tùy duyên bất biến của nhà Phật.

III. A TÌ ĐẠT MA

1) Ý Nghĩa: A Tì Đạt Ma (P: Abhidhamma, S: Abhidharma) được nhiều học giả Trung Hoa dịch nghĩa là: đại pháp, thắng pháp, vô tử pháp, vi diệu pháp.

Đây là Pháp được các luận sư Nam Tông, cũng như Bắc Tông giảng rộng nghĩa lời Phật dạy trong Kinh và Luật, làm nổi lên những nét đặc biệt, tinh hoa của của Kinh và Luật.

Nó vạch ra lý tưởng thánh thiện và con đường tâm linh thông qua thực hành đưa đến cứu kính giác ngộ và giải thoát. Phần lớn các luận sư xoáy vào sự khai triển các pháp Tứ Đế, Bát Chánh Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên, Chân Như, Không, Huyền.

Nó chỉ ra nguyên nhân hiện tượng thế gian là Duyên sinh, không có đấng thần linh nào tạo ra.

Tinh túy của A Tì Đạt Ma là các pháp thế gian do duyên sinh mà có, vì vậy, không có thực chất tính. Do duyên sinh nên bị chi phối bởi qui luật sinh, trụ, dị, diệt (loài vô tình) hay sinh, lão, bệnh, tử (loài hữu tình). Thế nên các pháp thế gian là vô thường, vô ngã, không (thực chất tính). Thấy rõ, biết rõ như vậy, tâm không dính mắc. Tâm không dính mắc đưa đến giải thoát. Và Niết bàn là trạng thái thanh tịnh của tâm.

2) Thành phần: A Tì Đạt Ma được lập thành trong 5 nhóm:

1. Đạo đức học
2. Tâm lý học
3. Luận lý học
4. Triết học
5. Siêu hình học

IV. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH A TÌ ĐẠT MA

Hai lần kết tập kinh điển đầu 1 và 2 chỉ có Kinh và Luật. Kể từ lần kết tập 3, sau sự hình thành các bộ phái mới có thêm tạng Luận. Từ đó kinh điển có đủ 3 tạng: Kinh, Luật, Luận, gọi là Tam Tạng Kinh Điển.

Hệ Pāli (Nguyên Thủy) có 7 bộ Luận.

- 1) Pháp Tập Luận.

- 2) Phân Biệt Luận.
- 3) Giới Thuyết Luận.
- 4) Nhân Thi Thiết Luận.
- 5) Song Luận.
- 6) Phát Thú Luận.
- 7) Luận Sự.

Hệ Sanskrit (Phát triển) cũng có 7 bộ Luận

- 1) A Tì Đạt Ma tập dị môn túc luận.
- 2) A Tì Đạt Ma pháp uẩn túc luận.
- 3) Thi Thiết túc luận.
- 4) A Tì Đạt Ma thức thân túc luận.
- 5) A Tì Đạt Ma giới thân túc luận.
- 6) A Tì Đạt Ma phẩm loại túc luận.
- 7) A Tì Đạt Ma phát trí luận.

Sau khi các bộ Luận này được kết tập, trường phái sơ giải lại ra đời. Đó là bộ Đại Tì Ba Sa Luận do 500 Trưởng Lão kết tập tại Ca Thập Di La dưới triều vua Ca Nị Sắc. Và nhiều bộ luận nổi tiếng khác ra đời như:

- 1) A Tì Đạt Ma Câu Xá Luận (bộ luận căn bản của Câu Xá Tông).
- 2) A Tì Đạt Ma Câu Xá Thích Luận: hai bộ này do ngài Thế Thân soạn.
- 3) A Tì Đàm Tâm Luận: do ngài Pháp Thắng soạn.
- 4) A Tì Đàm Tâm Luận Kinh: do ngài Ưu Bà Thiên Đà (Upasanta) sáng tác.
- 5) Thành Thật Luận do ngài Harivarman soạn.
- 6) A Tì Đạt Ma Pháp Yếu: do ngài A Nâu Lô Đà soạn.

Ngoài ra còn có những Thánh điển Pāli ngoài Tam tạng như:

- 1) **Đảo Sử:** ghi chuyện Phật đản sinh, lịch sử Trung Ấn, sự phân liệt Trưởng Lão Bộ nguyên thủy ra 18 bộ phái khác nhau, sự truyền Phật giáo vào Tích Lan bắt đầu từ Tỳ kheo Mahinda và lịch sử Tích Lan đến triều đại vua Mahāsena.
- 2) **Đại Sử** do ngài Mahānāma ghi lại những biến cố lịch sử có nhiều chi tiết hơn Đảo Sử.
- 3) **Tiểu sử** do ngài Dhammkitti và nhiều vị khác ghi lại nhiều thời kỳ khác nhau của Phật Giáo Tích Lan đến thế kỷ 18 dương lịch.
- 4) **Đại Giác Sử** do ngài Upatissa ghi.
- 5) **Milindapañhā:** (Những câu hỏi của vua Mihinda hay Na Tiên Tỳ Kheo kinh), trình bày sâu sắc những vấn đề siêu hình, đạo đức, luân hồi, tri thức, tâm lý học Phật giáo, dưới hình thức hỏi đáp, hình thành khoảng 150 năm TCN.
- 6) **Giải Thoát Đạo** do ngài Upatissa soạn vào đầu thế kỷ thứ 1 bằng Pāli.
- 7) **Thanh Tịnh Đạo** do ngài Phật Âm (Buddhaghosa) trước tác tại Tích Lan, thế kỷ 5.
- 8) **Sớ giải về Luật**, cũng do ngài Phật Âm soạn.

KẾT LUẬN

Qua lớp 1 Tâm Lý Học Phật Giáo, về 3 chủ đề: Kết tập kinh điển, Phân liệt bộ phái, và A Tì Đạt Ma, con rút ra được những luận điểm sau:

- 1) Khi sắp nhập diệt, Đức Phật có di chúc lại ngài Anan: “Hãy tự mình làm ngọn đèn cho chính mình, hãy nương tựa vào chính mình, đừng nương vào gì khác... Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, đừng nương tựa vào một gì khác...”

Đức Phật đã từ bỏ cuộc sống đế vương, từ bỏ gia đình thân thuộc, dấn thân đi tìm chân lý, sống cuộc sống vô cùng khổ hạnh, đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, và đi hoằng pháp độ sanh suốt cả cuộc đời. Đến giây phút chót, Đức Phật còn để lại lời di giáo quý báu cho chúng sanh. Thật là một đức Từ bi vô lượng. Chúng con xin thành tâm đánh lễ Phật bảo.

2453 năm sau, chánh pháp vẫn được bảo tồn nguyên vẹn và phát huy sáng rõ là nhờ Tam Tạng kinh điển. Tam Tạng kinh điển lưu truyền đến nay giúp tất cả Phật tử và chúng con thấy ánh sáng vi diệu Phật pháp, bước ra khỏi cơn mê u tối. Chúng con rất biết ơn và thành tâm đánh lễ Pháp bảo.

Nhờ những lần kết tập, dưới nhiều hình thức đọc tụng, ghi lại thành văn, khắc trên bảng đồng, trên đá, v.v... mà Tam Tạng kinh điển được duy trì. Thật là những công trình vĩ đại qua mấy ngàn năm, do công lao của chư Tổ Sư, Luận Sư và nhiều người con Phật vô danh khác. Chúng con xin thành tâm biết ơn các ngài và đánh lễ Tăng bảo.

2) Phật lại nói: “Những ai sau khi ta diệt độ, tự mình làm ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa vào chính mình, không nương tựa vào gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa... Những vị ấy là những vị tối thượng trong hàng Tỳ kheo của ta, nếu vị ấy thiết tha học hỏi.”

Chúng con học Thiền là pháp môn độc hành độc bộ, là tự mình nương tựa vào chính mình. Chúng con cũng thiết tha học hỏi. Nhưng chưa phải là hàng tối thượng, chúng con còn nhờ Thầy dẫn dắt lúc sơ cơ. Nhờ Thầy chúng con đi đúng chánh pháp, dùng chánh pháp làm ngọn đèn, làm chỗ nương tựa. Công ơn dẫn dắt của Thầy đối với chúng con rất sâu dày. Chúng con xin đánh lễ Thầy để tỏ lòng tri ân Tôn Sư.

3) Có những nguyên nhân xem như không hay, không khả hỷ, lại đem đến kết quả tốt về sau như:

- Tỳ kheo Subhadda phát ngôn vô pháp đưa đến kết tập kinh điển lần 1.
- 10 điều phi pháp đưa đến kết tập kinh điển lần 2 và phân liệt bộ phái
- Việc thanh lọc Tăng giả đưa đến kết tập kinh điển lần 3.
- Việc phân liệt thành 18 bộ phái đưa đến kết tập kinh điển lần 4.

Do nhiều lần kết tập mà kinh điển được hệ thống hoá và duy trì đầy đủ. Như vậy không phải cứ nhân xấu đưa đến quả xấu. Còn phải kể đến yếu tố duyên. Nên nói mọi việc mọi sự do duyên sinh, không do may rủi hay thần linh định đoạt. Thuyết duyên sinh của nhà Phật dễ nghe, dễ chấp nhận hơn thuyết định mệnh và thuyết ngẫu nhiên (may rủi). Còn thuyết do ý chí con người quyết định, nếu đúng thì Phật giáo đã bị tiêu diệt hồi thế kỷ 10 và 12, sau khi bị đàn áp và triệt tiêu ở Ấn Độ.

4) Ngày xưa Kinh và Luật được truyền tụng bằng miệng, bằng lời, qua mấy trăm năm, không bị tam sao thất bản, quả thật là điều kỳ diệu. Đến khi Tam tạng được lập thành văn, viết thành chữ, khắc lên bảng đồng, lên đá...Phật giáo bị đàn áp khốc liệt trong nhiều thế kỷ. Chùa chiền, bảo

tháp bị san bằng, kinh sách bị phá hủy, đến nay nguyên bản không còn lại bao nhiêu. Vậy mà Tam tạng kinh điển đến ngày nay, thật phong phú, dồi dào, được in thành sách, bằng nhiều ngôn ngữ, và xuất hiện cả trên Internet... lại là một điều kỳ diệu thứ hai. Vì sao?

- Vì Phật giáo là đạo giác ngộ. Nhờ Phật pháp nhiều người được giác ngộ. Nhiều người giác ngộ làm Phật pháp càng thêm sáng tỏ.
- Vì Phật giáo là đạo giải thoát. Đức Phật tuyên bố: “Giống như nước các đại dương cùng có chung một vị mặn, đạo của Như Lai tuy nhiều phương tiện, cũng có chung một vị giải thoát.” Ngày nào chúng sinh còn khổ đau, chúng sinh còn cầu đạo giải thoát.

5) Phật giáo bị phân liệt, chẳng những chia thành 2 hệ: Pāli và Sanskrit, còn phân chia ra nhiều bộ phái, hệ phái, tông phái... không kể xiết. Thế nhưng tất cả các phái này cùng bình đẳng tồn tại và phát huy giáo pháp theo lối riêng của mình. Phái nào theo đúng chánh pháp thì lưu truyền dài lâu, trái lại, tự đào thải. Không có phái nào tiêu diệt phái nào. Dù luận chiến, tranh luận với nhau để làm sáng tỏ giáo lý, các phái vẫn coi nhau là con Phật, không tranh chấp xâu xé nhau. Suốt hơn 2500 năm lịch sử, Phật giáo chưa từng bức hại ai.

6) Thời nào Phật giáo được vua chúa yểm trợ (vua A Dục, vua Ca Nị Sắc...) Phật giáo được hưng thịnh. Đặc biệt vua A Dục sau khi tự hồi đã tàn sát quá nhiều, vua qui y Phật, và phát tâm Đại Bi, chủ trương bất bạo động, đại xá tù binh, phá nhà tù, xây bệnh xá, trường học, làm đường sá, trồng cây, đào giếng... và đối xử bình đẳng với các tôn giáo. Cho thấy nơi nào vua chúa nhờ ánh sáng đạo Phật thức tỉnh, nơi đó có thái bình an lạc, dân chúng được hưởng phúc lợi và an lành. Trái lại, nơi nào vua chúa theo tín ngưỡng cực đoan, nơi đó tự do tín ngưỡng bị triệt tiêu, Phật giáo bị đàn áp, và dân chúng nơi đó làm nạn nhân của hận thù, tranh chấp, xâu xé nhau, kể cả thời khoa học tiên bộ hiện nay.

7) Phật pháp gồm có hữu vi pháp và vô vi pháp.

Hữu vi pháp là pháp có lý luận, có tác ý, có giải thích bằng ngôn từ, là tục đế.

Vô vi pháp là pháp siêu lý luận, không tác ý, không thể nói ra chỉ ai tu tự kinh nghiệm, là chân đế.

Phải nhờ pháp hữu vi để hiểu pháp học và pháp hành, để trao đổi kinh nghiệm với nhau, nhưng nếu không vượt qua khỏi pháp hữu vi, thể nhập vào pháp vô vi, dù dụng công bao nhiêu cũng không đạt được trí tuệ tâm linh, đi đến giác ngộ và giải thoát.

Muốn thể nhập pháp vô vi, hành giả phải đạt cái *không lời*, hay vô ngôn, tâm không. Tổ sư nói: “Đạo ta không lời. Người đạt được cái không lời là đạt đạo.” Thuở xưa, đức Phật đạt được cái *Như Vây* (Tathā) không thể dùng lời diễn tả. Tiếp sau, chư Tổ dạy cái *Chân Như* (Tathatā) cũng nói về chỗ: Tâm Như và thể nhập Chân Như.

Chúng con học Thiền Tánh Không, tất cả kỹ thuật Thầy dạy cốt sao chúng con kinh nghiệm được cái *không lời*. Tất cả các bạn thiền sinh của con không nhiều thì ít đều đạt kinh nghiệm quý báu ấy. Tuy còn sơ cơ, những bước chân trên đường tâm linh của chúng con, dưới sự hướng dẫn khéo léo của Thầy, dần dần thêm vững chắc. Vậy là Thầy hướng dẫn chúng con đi đúng chánh pháp. Thật là một phước duyên lớn lao của chúng con được gặp Thầy.

Kính bạch Thầy,

Mặc dù Thầy không muốn mở lớp Tâm Lý Học Phật Giáo, vì nó thuần lý thuyết Phật học, đi ngược lại Thiền là pháp vô ngôn; nhưng vì chúng con nhiều lần thỉnh cầu, Thầy vì chúng con mà mở dạy. Bốn tháng qua rất mau. Thời gian đó, Thầy mất bao nhiêu công lao khó nhọc để soạn bài cho chúng con. Vì trực trặc kỹ thuật, Thầy phải soạn tới 2 lần, quả thật Thầy đã trút bao trí não, tinh thần cho chúng con. Công ơn này, chúng con xin ghi nhớ. Nhiều lần Thầy kêu bài học khô khan, nhàm chán, khó nuốt. Thầy bảo ngưng lớp học. Nhưng chúng con ai cũng một lòng xin học. Bài học dù thuần kiến thức khô khan, với sự giảng dạy khéo léo của Thầy, chúng con đều nắm vững chủ đề, và lớp học không mấy khi vắng tiếng cười. Khi lớp bắt đầu, số thiền sinh ghi tên là 19. Đến nay bẻ giảng cũng là 19 vị, toàn là hột chắc. Chúng con nay tạm ở nhà, sẽ thấy thiếu vắng không khí đầy thiền lạc và vô ưu của lớp học.

Chúng con mong rằng Thầy sẽ nghỉ ngơi khỏe khoắn, hoàn tất tập 2 và 3 của bộ Tìm Hiểu và Ứng Dụng Thiền Phật Giáo. Ra mắt sách xong, Thầy sẽ mở tiếp lớp 2 Tâm Lý Học Phật Giáo.

Kính mong Thầy hứa khả.

Con kính chào Thầy,

Xin kính chào quý vị.

Sa Di Thích KHÔNG CHIẾU

29/08/2000

Viết lại từ bài Tổng Kết Lớp 1 Khóa 1 Tâm Lý Học Phật Giáo, của Thầy Không Chiếu, được đăng trong Đặc San Thiên Tánh Không Số 3, Đặc San Xuân Tân Tỵ 2001, trang 114 đến 122.

Nguyện hồi hướng công đức này đến khắp tất cả.

DN